

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (bổ sung) theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (bổ sung)
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 15/10/2024
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Đường Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B12-089-btmtram).

TUO. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



CÔNG TY.....
 MÃ SỐ THUẾ:
 ĐỊA CHỈ:
 SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ														Ghi chú
	STT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá chưa VAT (VND)	Đơn giá có VAT (VND)	Mã HS (HS Code)	
1																	Hợp đồng trúng thầu số...ngày... tại Bệnh viện... , giá trúng thầu: ... (nếu có)
			Lưu ý: Thông tin chào giá của hàng hóa phải thống nhất với thông tin hàng hóa đã được BHXH duyệt theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021														

- Báo giá này có hiệu lựctháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác của Công ty (nếu có):

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch dây nối dài 20 - 25cm	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch - Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực $\geq 30\text{atm}$ - Thể tích $\geq 20\text{ml}$ - Van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm - Kích cỡ trong khoảng 7 - 9Fr - Dụng cụ đưa dây dẫn - Đầu gắn dây dẫn dễ xoay - Khoá ba ngã - Dây nối dài trong khoảng 20 - 25cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1.000
2	Bộ can thiệp tĩnh mạch cửa, đánh lái hai hướng, sử dụng kim chọc 17G	Bộ can thiệp tĩnh mạch cửa được thiết kế để can thiệp gan qua đường tĩnh mạch cửa dùng cho các chẩn đoán và can thiệp - Đầu kim chọc có đặc tính cản âm giúp nhìn thấy dưới siêu âm - Có vị trí đánh dấu trên ống thông mang kim chọc - Có dải cản quang trên ống chứa cứng - Có thể đánh lái kim chọc và ống chứa theo hai hướng độc lập để tiếp cận tĩnh mạch cửa Bao gồm: - Ống thông cứng - Ống luồn mở đường - Kim chọc 17G x 73cm - Ống thông chứa kim chọc - Ống thông chụp mạch máu đa năng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	10
3	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg: - Bơm ly tâm: - Chất liệu: Polycarbonate (PC) - Thể tích mỗi: $\leq 32\text{ml}$ - Tốc độ bơm lên tới 5000 vòng/phút - Bộ dây dẫn tuần hoàn: - Chất liệu: Polyvinyl chloride (PVC) có phủ chất chống đông máu - Bao gồm đường động mạch và tĩnh mạch - Chiều dài dây chính: 1/4 x 1/16 x 400 - 500cm - Số lượng và chiều dài các dây phụ: + 03 dây 1/4 x 1/16 x 110 - 130cm + 01 dây 1/4 x 1/16 x 250 - 350cm + 01 dây 1/4 x 1/16 x 10 - 15cm - Dây dẫn khí có lọc khí dài trong khoảng 250 - 350cm - Tương thích máy ECMO rotaflow của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	3



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, phủ Nylon và Pebax, dài ≥ 140 cm	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành 1. Catheter - Chất liệu phủ Nylon và Pebax, bên trong có đường viền bên thép không gỉ - Cỡ trong khoảng 4Fr - 6Fr, dài ≥ 140 cm, tương thích dây dẫn 0.014" 2. Dây dẫn trong lòng Catheter (Stylet) 3. Bơm tiêm có chế độ khóa áp lực âm 4. Dây nối có khóa 5. Khay chứa lọc máu 6. Lọc huyết khối Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5
5	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 4 $\rightarrow$ 6Fr, dài 7 $\rightarrow$ 23cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng Polyethylene và Polypropylene - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7cm, 23cm 2. Kim chọc cỡ 20G hoặc 21G, dài ≥ 4 cm 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.018", dài ≥ 40 cm, đầu cong hình J 4. Khóa 3 ngã Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	100
6	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 4 $\rightarrow$ 7Fr, dài 7 $\rightarrow$ 23cm	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng Polyethylene và Ethylene Tetrafluoroethylene - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7cm, 16cm, 23cm 2. Kim chọc cỡ 20G hoặc 21G, dài trong khoảng 2.5 - 4cm 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.018" hoặc 0.021" hoặc 0.025", dài ≥ 40 cm 4. Khóa ba ngã 5. Khay cố định Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
7	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, cỡ 4 $\rightarrow$ 8Fr, dài 7 $\rightarrow$ 10cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng ETFE - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7cm, 10cm 2. Kim luồn cỡ 18G, 20G, dài ≥ 3 cm 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.025", 0.035", dài ≥ 45 cm 4. Bơm tiêm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1.275



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
8	Bộ dụng cụ thay van động mạch phổi qua đường ống thông	Bộ dụng cụ thay van động mạch phổi qua đường ống thông 1. Van động mạch phổi - Chất liệu khung van bằng Nitinol - Chất liệu lá van bằng màng ngoài tim của heo - Đường kính ngoài của van có tối thiểu các cỡ 18mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm - Đường kính độ loe của van có tối thiểu các cỡ 22mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 36mm 2. Catheter thả van - Có tối thiểu 02 cỡ 18Fr, 20Fr Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc ISO	Bộ	10
9	Bộ kim chọc sinh thiết trong gan qua đường tĩnh mạch cảnh, 18G, 19G	Kim chọc sinh thiết gan qua ngã cảnh - Thiết kế đầu kim trocar kết hợp với rãnh lấy mẫu lộ ra hoàn toàn - Cỡ đầu kim: 18G, 19G - Tương ứng sheath: 7F, 60cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	10
10	Bộ thả dù đóng ống động mạch, liên thất, liên nhĩ, có cân quang, cỡ 6Fr → 12Fr	Bộ thả dù đóng ống động mạch, liên thất, liên nhĩ - Chất liệu ống thông bằng nhựa, cáp bằng thép không gỉ - Có van cầm máu áp suất cao với khớp nối xoay - Đường kính có tối thiểu các cỡ 6Fr, 7Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr - Chiều dài ≥ 60cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	50
11	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh ≤ 20kg - Chất liệu: Thân phổi: Polycarbonate (PC), sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP), sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane - Bề mặt trao đổi khí $\geq 0.8\text{m}^2$ - Bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0.15\text{m}^2$ - Lưu lượng máu trong khoảng 0.2 - 2.8 lít/phút - Thể tích mỗi: ≤ 90 ml - Thời gian sử dụng liên tục trong khoảng 14 - 21 ngày - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo ECMO/Rotaflow của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	3
12	Bộ tim phổi nhân tạo trao đổi Oxy bên ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh nặng cân ≥ 50 kg	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm lọc động mạch dành cho người bệnh ≥ 50kg 1. Bình chứa máu: bên trong phủ Phosphorylcholine - Thể tích trong khoảng 4000 - 4500ml 2. Bộ phận trao đổi khí: có màng lọc chất liệu polyester, diện tích màng lọc xấp xỉ 1.75m^2, lưu lượng máu trong khoảng 7 - 8 L/phút, phin lọc động mạch $\geq 38 \mu\text{m}$ 3. Bộ phận trao đổi nhiệt: chất liệu Polyurethane, diện tích bề mặt trong khoảng 0.3 - 0.5m^2 - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	20



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	Bộ tim phổi nhân tạo trao đổi Oxy bên ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh hạng cân 20 - 50kg	Bộ tim phổi nhân tạo trao đổi Oxy bên ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh hạng cân trong khoảng 20 - 50kg - Bình chứa máu: bên trong phủ sinh học Phosphorylcholine, thể tích trong khoảng 4000 - 4500ml - Bộ phận trao đổi khí: có màng lọc chất liệu polyester, diện tích màng lọc xấp xỉ 1.4 m², lưu lượng máu trong khoảng 6 - 6.5 L/phút, phin lọc động mạch trong khoảng 35 - 38 µm - Bộ phận trao đổi nhiệt: chất liệu Polyurethane, diện tích bề mặt trong khoảng 0.4 - 0.42m² - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	20
14	Bộ tim phổi nhân tạo, bằng polyethylene terephthalate, diện tích màng trao đổi khí 2.5 - 2.7m ² , lưu lượng máu trao đổi 1 - 7 lít/ phút	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể 1. Bình chứa máu: phủ lớp ưa nước bên trong. Có ít nhất 6 màng lọc 2. Bộ phận trao đổi khí: sợi rỗng Polypropylene, có van điều tiết áp lực và vạch cảnh báo thể tích 3. Bộ phận trao đổi nhiệt: cổng ra động mạch 3/8", cổng vào tĩnh mạch 3/8" - Thể tích trong khoảng 4500 - 5000ml - Tích hợp bộ lọc động mạch - Lưu lượng trao đổi trong khoảng 1 - 7 lít/ phút - Thể tích mỗi: ≤ 260ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí trong khoảng 2.5 - 2.7m² - Áp lực trao đổi nước: ≤ 30psi - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	25
15	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, cỡ 7 - 7.5Fr	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ 1. Bóng 2. Catheter và dụng cụ đi kèm: không chứa Latex - Dung tích từ 25 đến 40ml, tối thiểu 3 cỡ - Tối thiểu có cỡ 7.5Fr - Tương thích máy bơm bóng đối xung động mạch chủ Datascope CS 300 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	30
16	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, cỡ 7 → 9Fr	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ - Chất liệu màng bóng Cardiothane II, lớp phủ Hydrophilic - Kích cỡ có tối thiểu cỡ 7Fr, 8Fr - Thể tích bóng có tối thiểu các cỡ 30cc, 40cc - Đường kính lumen trung tâm 0.027" - Catheter chất liệu bằng Polyurethane - Tương thích dây dẫn 0.025" - Tương thích với máy Autocat (bệnh viện) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	30



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0 → 7.0mm, dài 20 → 200mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.5mm, 5.0mm, 7.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 20mm, 60mm, 120mm, 170mm, 200mm - Tương thích nhiều loại dây dẫn 0.018" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
18	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0 → 7.0mm, dài 40 → 120mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Phủ thuốc Paclitaxel - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 3.0mm, 4.0mm, 7.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 40mm, 80mm, 120mm - Tương thích dây dẫn 0.018" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
19	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0 → 12.0mm, dài 20 → 250mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 5.0mm, 7.0mm, 9.0mm, 12.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 20mm, 60mm, 100mm, 150mm, 170mm, 250mm - Tương thích nhiều loại dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
20	Bóng nong đo kích thước lỗ thông liên nhĩ, đường kính bóng 18 → 34mm	Bóng nong đo kích thước lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu Nhựa - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 18mm, 24mm, 34mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
21	Bóng nong động mạch chủ, động mạch phổi và ngoại biên	Bóng nong động mạch chủ, động mạch phổi và ngoại biên - Chất liệu Advanced PET - Có marker vàng chắn bức xạ, định vị bóng chính xác - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 20mm, 30mm, 40mm, 60mm - Nhiều size với chiều dài bóng từ 20, 30, 40, 50, 60 mm - Đường kính bóng tối thiểu cỡ 12.0, 14.0, 16.0, 18.0, 20.0, 22.0, 24.0, 26.0, 28.0, 30.0mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
22	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 → 5.0mm, dài 6 → 27mm, bằng Nylon/Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính bóng tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu các cỡ 6mm, 9mm, 12mm, 15mm, 21mm, 27mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	400



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
23	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 → 5.0mm, dài 8 → 20mm, bằng Semi Crystalline Polymer	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.25mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 8mm, 12mm, 15mm, 20mm - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	300
24	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0 → 4.0mm, dài 5 → 40mm, bằng Nylon/ Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon/ Polyamide - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 1.0mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 4.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 40mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
25	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25 → 4.0mm, dài 6 → 30mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pellethane và Pebax - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 6mm, 15mm, 25mm, 30mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	150
26	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25 → 5.0mm, dài 5 → 40mm, bằng Nylon/Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon hoặc Pebax - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 15mm, 20mm, 40mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn sản xuất ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
27	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0 → 4.0mm, dài 10 → 30mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu: Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 10mm, 25mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng $\geq 12\text{atm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	40
28	Bóng nong van động mạch phổi, áp lực thấp/cao, đường kính bóng 6.0 → 22.0mm, dài 20 → 60mm	Bóng nong van động mạch phổi và động mạch chủ áp lực thấp/cao - Chất liệu Thermoplastic Elastomer (không có DEHP) - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 6.0mm, 8.0mm, 10.0mm, 12.0mm, 14.0mm, 16.0mm, 18.0mm, 20.0mm, 22.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 20mm, 30mm, 40mm, 60mm - Áp lực $\geq 1\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn trong khoảng 0.018" - 0.035" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
29	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể, cỡ 15 → 21Fr	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula đầu tip có vòng xoắn chống gập - Có tối thiểu các cỡ 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, với chiều dài đầu tip $\geq 18\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 31\text{cm}$, co nối dây dẫn 3/8" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	35
30	Cannula động mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, dài $\geq 22\text{cm}$	Cannula động mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gập, đầu cong 135°, có dấu định hướng, và vạch phân chia độ dài xác định vị trí - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 9Fr, 11Fr, 12Fr, đầu kết nối 3/16" hoặc 1/4", chiều dài cannula $\geq 22\text{cm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	35
31	Cannula động mạch dùng tuần hoàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em, cỡ 8 → 14Fr	Cannula động mạch dùng tuần hoàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula đầu tip có vòng xoắn chống gập - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, với chiều dài đầu tip $\geq 10\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 22\text{cm}$, co nối dây dẫn 1/4" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
32	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC và Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gập - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, đầu nối dây dẫn 1/4" có cổng đuôi khí, chiều dài $\geq 22.5\text{cm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	35
33	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Có tối thiểu các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr, 28Fr, 30Fr, 32Fr, co nối dây dẫn 1/4" - 3/8", chiều dài $\geq 30\text{cm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
34	Cannula tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, co nối 3/8" → 1/2", dài $\geq 60\text{cm}$	Cannula tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí, gồm 2 lỗ hút: ở đầu cannula và thân cannula - Kích thước: từ 22Fr đến 25Fr - Đường kính thân ống có 2 loại, co nối dây dẫn 3/8" và 1/2", chiều dài cannula $\geq 60\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, đầu tip dài $\geq 50\text{cm}$, cỡ 15 $\rightarrow$ 25Fr	Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Có tối thiểu các cỡ 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, 23Fr, 25Fr, chiều dài đầu tip $\geq 50\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 64\text{cm}$, đầu nối dây dẫn 3/8" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
36	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, 1 tầng đầu cong, co nối 1/4" hoặc 3/8"	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone, đầu bằng thép không gỉ - Có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài - Có tối thiểu các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr, 22Fr, 24Fr, 28Fr, 31Fr, co nối dây dẫn 1/4" hoặc 3/8", chiều dài $\geq 35\text{cm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	140
37	Cannula tĩnh mạch dùng tuần hoàn hoàn toàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em, cỡ 8 $\rightarrow$ 14Fr	Cannula tĩnh mạch dùng tuần hoàn hoàn toàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, chiều dài đầu tip $\geq 10\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 20\text{cm}$, đầu nối dây dẫn 1/4" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
38	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng, cỡ 15Fr, dài tối thiểu 30cm	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng trong phẫu thuật tim - Chất liệu PVC và Silicone, - Thân cannula có lò xo chống gập có thể uốn cong, đuôi nối female Leur - lock, đầu cannula có bóng chèn và có đường đo áp lực bơm - Kích cỡ: 15Fr, chiều dài tối thiểu 30cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
39	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ, cỡ 12G, 14G, dài $\geq 30\text{cm}$	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu Cannula bằng PVC, nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng thẳng đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối female Leur - lock - Có tối thiểu các cỡ 12G, 14G, chiều dài $\geq 30\text{cm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	40
40	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ, cỡ 7 $\rightarrow$ 9Fr	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ - Chất liệu: Cannula bằng PVC, nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng chữ Y có cổng đo áp lực bơm, đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối Female Luer - lock - Có tối thiểu các cỡ 7Fr, 9Fr, chiều dài tối thiểu 14cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
41	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành ở trẻ em	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành ở trẻ em - Cannula mềm đầu có bóng bằng Silicone, cổng kết nối Female Luer - lock - Có tối thiểu các cỡ 2mm, 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, chiều dài tối thiểu 5.5cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
42	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bên	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bên - Tương thích với "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bên, cỡ 7Fr, đầu điện cực 4mm" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1
43	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim loại cáp nối cho 20 điện cực	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim cho 20 điện cực cho catheter lập bản đồ 3D - Tương thích với catheter thăm dò điện sinh lý tim Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1
44	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bên, cỡ 7Fr, đầu điện cực 4mm	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bên - Điện cực bằng Platinum - Cỡ: 7Fr, dài ≥ 115 cm - Đầu điện cực 4mm, khoảng cách điện cực 2 - 5 - 2mm - Có thể điều khiển được tối thiểu 03 độ cong từ đầu catheter đến thân tối thiểu ≥ 32 cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	4
45	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 1 chiều, cỡ 7Fr	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 1 chiều - Cỡ 7Fr, dài ≥ 115 cm - Đầu điện cực 4mm, khoảng cách điện cực 1 - 7 - 4mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	10
46	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều - Cỡ 8Fr, dài ≥ 115 cm - Đầu điện cực 3.5mm, khoảng cách điện cực 1 - 6 - 2mm - Ống dẫn ≥ 8.5 Fr - 2 độ cong có thể điều khiển (64 - 76mm)/ (76 - 102mm) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5
47	Clip tiểu nhĩ dùng trong phẫu thuật tim hở	Clip kẹp tiểu nhĩ được chỉ định để bít tiểu nhĩ trái trong phẫu thuật tim hở - Chất liệu: clip bằng Titanium được phủ lớp vải Polyethylene Terephthalate. Lò xo chất liệu nitinol. - Chiều dài: 30 - 55 mm, tối thiểu có các cỡ 35mm, 40mm, 45mm, 50mm. - Dụng cụ mang clip chiều dài tối thiểu 11 cm, đầu trực đeo có thể điều chỉnh góc kẹp lên tới 45 độ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
48	Clip tiểu nhĩ dùng trong phẫu thuật tim nội soi	Clip kẹp tiểu nhĩ được chỉ định để bít tiểu nhĩ trái trong phẫu thuật tim nội soi - Chất liệu: clip bằng Titanium được phủ lớp vải Polyethylene Terephthalate. Lò xo chất liệu nitinol. - Chiều dài: 30 - 55 mm, tối thiểu có các cỡ 35mm, 40mm, 45mm, 50mm. - Dụng cụ mang clip chiều dài tối thiểu 25 cm, đầu trực dẻo có thể điều chỉnh góc kẹp lên tới 30 độ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
49	Đầu đo độ bão hòa oxy và hematocrit, nhiệt độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Đầu đo độ bão hòa oxy và hematocrit, nhiệt độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: Polycarbonate - Kết nối với dây 1/2", 3/8", 1/4" - Tương thích máy B-Care5/ máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	460
50	Đầu dò siêu âm mạch vành 5Fr - 6Fr có tần số 40MHz, chiều dài ≥ 135cm	Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 40MHz - Chất liệu dây cáp bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước - Có trong khoảng 5Fr - 6Fr - Chiều dài ≥ 135cm - Tần số hoạt động 40MHz - Độ phân giải trục là 38μm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	100
51	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính tối thiểu 0.035", dài 45 → 180cm	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic - Chất liệu Nitinol - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.035" - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 45cm, 80cm, 110cm, 135cm, 150cm, 180cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
52	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh, dài 260cm, 300cm	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh - Chất liệu thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài - Đầu tip dạng J, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 6mm, 7.5mm - Đường kính 0.035" - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 260cm và 300cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	70
53	Dây nối áp lực ≤ 8 bar	Dây nối áp lực - Chất liệu Polyethylene - Đường kính trong tối thiểu 1mm, đường kính ngoài tối thiểu 2mm - Chiều dài trong khoảng 125 - 150cm - Áp lực ≤ 8 bar - Tương thích với đầu nối của các loại catheter Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.000



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
54	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới - Có tối thiểu các cỡ 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
55	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nén nhỏ	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nén nhỏ - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới và polymer - Có tối thiểu các cỡ 18mm, 20mm, 22mm, 24mm, 26mm, 30mm, 32mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
56	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng, cỡ 8 → 14mm	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới và polymer - Có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 12mm, 14mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
57	Dù đóng lỗ thông liên thất, cỡ 4 → 12mm	Dù đóng lỗ thông liên thất - Dù bằng Nitinol phủ titanium - Có tối thiểu các cỡ 4mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm - Cáp thả dù tạo góc nghiêng 50° Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
58	Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý tim, uốn cong khoảng 270°, cỡ 7Fr	Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý tim - Chấu liệu: đầu Platinum /Iridium - Cỡ 7Fr, dài ≥ 110cm - Đầu đốt loại 4mm, khoảng cách điện cực là 2 - 5 - 2mm - Kích cỡ nhãn trong khoảng 1.5 - 2mm - Có thể uốn cong khoảng 270° - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	25
59	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành ít xâm lấn	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành ít xâm lấn tim đập gồm: - Bộ phận cố định bằng nhựa có thể gắn với tất cả các loại banh xương ức - Thanh định hình bằng thép không gỉ, tải trọng chống trượt tối thiểu 1.5 kg. - Giác hút bằng silicon Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2
60	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ - Chất liệu monofilament polypropylene - Đóng được sheath ≤ 8F Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	350



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
61	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 dilator - 01 sheath Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày. Kích cỡ: 6Fr và 8Fr Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	100
62	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van sinh học dài 100 - 120mm	Mạch máu nhân tạo có van sinh học cho phẫu thuật tim. - Chất liệu: được làm từ tĩnh mạch cảnh của bò, có đánh dấu xác định vị trí van trong đoạn mạch máu - Kích cỡ: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm. Chiều dài trong khoảng 10 - 12cm. - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
63	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van, dài 100 - 110mm	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van dùng trong phẫu thuật tim - Mạch máu làm từ màng ngoài tim bò, và có dạng xếp nếp. Van gắn trong đoạn mạch, các lá van được làm từ van tim của heo - Đường kính có tối thiểu các cỡ 13mm, 15mm, 17mm, 19mm, 21mm, chiều dài trong khoảng 100 - 110mm - Đặc điểm: loe 2 đầu trên dưới - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
64	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polytetrafluoroethylene, đường kính 5mm, dài ≥ 50cm có vòng xoắn toàn phần	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu Polytetrafluoroethylene (PTFE), có vòng xoắn ngoài toàn phần - Đường kính có tối thiểu cỡ 5mm, chiều dài ≥ 50cm - Sức chịu kéo vết khâu tối thiểu 8.5 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
65	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 20 - 21g	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 3 Tesla - Điều chỉnh không dây, tự động phát hiện từ trường MRI, có thể hoạt động 14 ngày sau khi lập trình - Trọng lượng trong khoảng 20 - 21g, dày trong khoảng 6 - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
66	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 20 - 25g	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích máy trong khoảng 11 - 13cm ³ , trọng lượng trong khoảng 20 - 25g - Giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Biểu đồ điện trở của dây dẫn - Quản lý tạo nhịp thất - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 10 năm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3
67	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 25 - 27g	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, thất trái 4 cực, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 T - Vỏ máy: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Có chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Tính năng tạo nhịp kiểm chế rung nhĩ - Lưu điện tâm đồ trong tim lên đến 14 phút - Trọng lượng trong khoảng 25 - 27g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1
68	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 31- 32g	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Điện cực thất trái 4 cực chuẩn IS-4 - Truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth - Tự động đảm bảo phương pháp tái đồng bộ tim - Trọng lượng trong khoảng 31 - 32g Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1
69	Miếng dán kiểm soát mức dịch dưng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, hình chữ nhật	Miếng dán kiểm soát mức dịch dưng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Miếng dán mức dịch được gắn vào bình chứa máu (Reservoir) hoặc Phổi nhân tạo (Oxygenator) - Cảm biến dựa trên tác động của mức chất lỏng lên sóng điện từ tần số cao trong mạch dao động điện - Tương thích máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	450
70	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 6Fr, 7Fr	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu Polytetrafluoroethylene - PTFE bên trong trục, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ 6Fr, 7Fr - Đường kính trong khoảng 0.059" - 0.081" - Chiều dài ≥ 100 cm - Có các dạng BL, AL, JL, JR Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
71	Ống thông chẩn đoán tim đa năng, có cấu trúc lưới kép, các cỡ	Ống thông chẩn đoán tim đa năng, có cấu trúc lưới kép - Chất liệu bằng thép không gỉ, có lớp nylon hoặc polyurethane - Đường kính 4Fr hoặc 5Fr - Giới hạn áp lực 750 psi hoặc 1000 psi - Tương thích dây dẫn 0.038" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	80



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
72	Ống thông chân đoán tim, các cỡ	Ống thông chân đoán tim - Chất liệu lớp trong/ngoài bằng Nylon-Polyurethan, lớp đan kép bằng thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính trong khoảng 1.00 - 1.20mm - Giới hạn áp lực $\geq 750\text{psi}$ - Tương thích dây dẫn 0.038" - Có cấu trúc lưới kép dạng đuôi heo Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
73	Ống thông chân đoán, can thiệp mạch máu tạng, dài 70 → 100cm	Ống thông chân đoán, can thiệp mạch máu tạng - Chất liệu polymer được phủ lớp ái nước hydrophilic. Lớp ngoài Polyurethane. Lớp trong nylon - Kích cỡ 5Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 70cm, 100cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
74	Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép, các cỡ	Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép. - Chất liệu bằng thép không gỉ, có lớp Nylon hoặc Polyurethane - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính trong khoảng 1.0 - 1.2mm - Giới hạn áp lực 750psi hoặc 1000psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Dạng JR, JL Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	500
75	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải - Chất liệu Polyamide - Có tối thiểu cỡ 5Fr - Chiều dài trong khoảng 100 - 120cm - Giới hạn áp lực tối thiểu 1200psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Lưu lượng dòng chảy tối đa khoảng 23ml/ giây Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	800
76	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh dạng sheath, dài 80 → 105cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh dạng sheath - Chất liệu Polymer. Lòng làm bằng thép đa lớp, đầu xa phủ lớp Platinum cản quang - Đường kính trong khoảng 0.087" - 0.088" - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 80cm, 90cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
77	Ống thông đường dẫn hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ, dài > 60cm	Ống thông đường dẫn hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 8.5Fr - Chiều dài > 60cm - Lỗ bên có đường kính < 0.025" - Vò bện - Có van cầm máu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
78	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em/ người lớn, diện tích màng lọc 0.2m ² , 0.6m ²	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em/ người lớn 1. Màng lọc: polyethersulfone - Diện tích bề mặt có tối thiểu các cỡ 0.2m², 0.6m² - Thể tích dịch mỗi trong khoảng 40 - 140ml - Áp lực tối đa 66kPa - Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12 2. Dây dẫn 3. Túi đựng chất thải Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	70
79	Stent can thiệp động mạch chậu bụng bằng bóng, đường kính 5.0 → 10.0mm, dài 18 → 58mm	Stent can thiệp động mạch chậu bụng bằng bóng - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Silicone - Đường kính có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 18mm, 28mm, 38mm, 58mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 90cm, 130cm, 170cm - Tương thích dây dẫn 0.035" và ống dẫn 5/ 6/ 7Fr - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
80	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 5.0 → 10.0mm , dài 17 → 57mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 10.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 17mm, 37mm, 57mm - Hệ thống loại OTW - Tương thích dây dẫn 0.035" - Áp suất tối đa 12atm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
81	Stent chặn cổ túi phình mạch não, đường kính 3.0 → 4.5mm, dài 15 → 40mm	Stent mạch não dùng cho túi phình cổ rộng - Chất liệu: Nitinol - Cấu trúc 12-16 sợi nitinol đan bện vào nhau, mắt lưới 0.8mm-1.6mm - Kích thước: đường kính tối thiểu 3.5, 5.5mm, dài tối thiểu 17mm, 33mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Cái	3
82	Stent động mạch chủ điều trị bóc tách động mạch chủ	Stent dùng trong phẫu thuật điều trị bóc tách động mạch chủ - Chất liệu: Stent bằng Nitinol, đầu gắn gắn với vòng khâu bằng PTFE - Đường kính: stent: khoảng 30 - 55 mm, đường kính vòng khâu tối thiểu có 2 cỡ: 24mm và 32 mm - Chiều dài stent: khoảng 155 - 235 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
83	Stent động mạch thận bụng bằng bóng, đường kính 4.5 → 7.0mm, dài 15 → 19mm	Stent động mạch thận bụng bằng bóng - Chất liệu Cobalt Chromium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.5mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 15mm, 19mm - Độ dày trong khoảng 120 - 140µm - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
84	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.0 → 4.0mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu: hợp kim Cobalt-Chromium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 8mm, 15mm, 23mm, 28mm, 38mm - Độ dày trong khoảng 81 - 82µm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
85	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.25 → 4.0mm, bằng hợp kim Cobalt-Chromium, phủ lớp polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu: hợp kim Cobalt-Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 8mm, 15mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm, 48mm - Độ dày trong khoảng 81 - 82µm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
86	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus tự tiêu, đường kính 2.5 → 4.0mm, dài 13 → 30mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus tự tiêu - Chất liệu hợp kim Magnesium, phủ lớp polymer tự tiêu sinh học - Đường kính có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài trong khoảng 13mm- 30mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
87	Stent graft động mạch chủ ngực bằng hợp kim Nitinol	Stent graft động mạch chủ ngực - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 24.0mm, 26.0mm, 28.0mm, 30.0mm, 36.0mm, 40.0mm, 44.0mm, 46.0mm - Chiều dài trong khoảng: 100 - 250mm - Đường kính dụng cụ trong khoảng: 22 - 26 Fr Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	10
88	Stent graft động mạch chủ ngực bằng hợp kim Nitinol, loại bổ sung	Stent graft động mạch chủ ngực loại bổ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 36mm, 40mm, 44mm, 46mm - Chiều dài trong khoảng: 100 - 250mm - Đường kính dụng cụ trong khoảng: 22 - 26Fr Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
89	Stent lấy huyết khối mạch máu não, tự bung	Stent lấy huyết khối mạch máu não, tự bung - Chất liệu Nitinol - Có đánh dấu ở đoạn đầu - Đường kính có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.5mm, 6.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 28mm, 50mm - Tương thích tối thiểu với ống thông cỡ: 0.0165"; 0.021"; 0.027" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	20



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
90	Stent lấy huyết khối trong lòng mạch não, đường kính 3.0 → 6.0mm, dài 30 → 48mm	Stent lấy huyết khối trong lòng mạch não - Chất liệu Nitinol và Platinum - Có đánh dấu trên stent - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 30mm - Tương thích với ống thông 0.021", 0.0165" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	25
91	Stent mạch máu dùng trong kỹ thuật TIPS	Stent mạch máu dùng trong kỹ thuật TIPS - Chất liệu được làm từ Nitinol. - Dạng dây bện - Stent hình trụ. - phủ PTFE, cách đầu cuối 20mm. - Có các điểm cân quang. - Stent có đường kính từ 8 - 10mm, chiều dài 70 – 80mm Đường kính bộ đặt 9Fr, chiều dài bộ đặt 75cm ±7.5 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
92	Van tim động mạch chủ cơ học, có khung bảo vệ, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van làm bằng sợi polyester - Có tối thiểu các cỡ 19 mm, 21 mm, 23 mm, 25 mm - Đường kính lỗ van khoảng 15 - 27 mm - Diện tích lỗ van hiệu quả trên 1.5 cm ² - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
93	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, vòng khâu van bằng sợi polyester	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng sợi polyester - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm, 33mm - Đường kính lỗ van trong khoảng 18 - 26mm - Diện tích mở van ≥ 2.5cm ² Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
94	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, đầu tip cong cổ thiên nga, các cỡ	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu đan từ sợi Nylon phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần trong khoảng 2.8F - 2.9F - Đường kính ngoài đầu xa trong khoảng 2.1F - 2.9F - Chiều dài trong khoảng 110 - 150cm - Đầu tip Straight/ 45°/ cong cổ thiên nga Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
95	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, phủ lớp Hydrophilic, kèm vi dây dẫn	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bện kim loại, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần có tối thiểu cỡ 3.0Fr - Đường kính ngoài đầu xa có tối thiểu cỡ 2.4Fr - Kèm vi dây dẫn Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
96	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bền Tungsten phủ Hydrophilic	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bền Tungsten, phủ Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần có tối thiểu cỡ 2.8Fr - Đường kính ngoài đầu xa có tối thiểu cỡ 2.6Fr - Đầu tip Angled hoặc Multi Curve Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	350
97	Vi ống thông can thiệp mạch vành, có 2 nòng, dài ≥ 140 cm	Vi ống thông can thiệp mạch vành 2 nòng - Chất liệu Polyamide resin và Polyimide - Đường kính khoảng 2.8 - 2.9Fr, dài ≥ 140 cm - Khẩu kính đầu xa ≥ 0.42 mm - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
98	Vi ống thông đi qua tổn thương CTO, đầu tip thuận 1.3Fr - 1.8Fr	Vi ống thông đi qua tổn thương CTO - Chất liệu thép không gỉ. Mặt ngoài bằng nhựa polyamide elastomer phủ bởi polymer ái nước. Lòng trong phủ PTFE - Đầu tip thuận có trong khoảng 1.3Fr hoặc 1.8Fr - Đường kính ngoài có tối thiểu các cỡ 2.1Fr, 2.6Fr, 2.8Fr - Chiều dài trong khoảng 135 - 150cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
99	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, đường kính 1 $\rightarrow$ 24mm	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não - Chất liệu Platinum - Đường kính từ 1mm tới 24mm, chiều dài từ 1cm đến 68cm - Cắt bằng xung điện tạo nhiệt tại khớp nối Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
100	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, đường kính 1.5 $\rightarrow$ 12mm	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não và ngoại biên - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil 0.010" - 0.014" - Đường kính vòng 1.5 - 12mm - Chiều dài 1 - 30cm - Khớp nối PVA, cắt bằng dòng điện qua khớp nối làm tan chảy đoạn PVA - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
101	Bộ dẫn lưu thất lưng ra ngoài với buồng nhỏ giọt ≥ 75 ml có khả năng theo dõi dòng chảy	Bộ dẫn lưu thất lưng ra ngoài có khả năng theo dõi dòng chảy 1. Catheter bằng silicone phủ barium - Chiều dài catheter ≥ 80 cm - Đường kính trong: khoảng 0.6 - 0.8mm; đường kính ngoài ≥ 1.5 mm - Dung tích trong khoảng 0.30 - 0.31ml 2. Buồng nhỏ giọt ≥ 75 ml 3. Có 4 thang đo áp lực, có thể xoay chuyển đổi giữa dẫn lưu não thất hoặc dẫn lưu thất lưng 4. Túi chứa dịch ≥ 600 ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	90



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
102	Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu đa trục, chỉnh độ xoay trục $\pm 10^\circ$, mâm chày có chuôi nối dài	Bộ khớp gối toàn phần di động 1. Lõi cầu - Chất liệu Cobalt-Chrome - Có ≥ 7 cỡ trung bình và ≥ 7 cỡ hẹp - Độ dày: phần xa và lõi cầu sau $\leq 8.5\text{mm}$ - Chỉnh độ xoay trục $\pm 10^\circ$ - Lõi cầu tương thích tối thiểu 3 cỡ liên tiếp miếng lót 2. Mâm chày - Chất liệu Cobalt-Chrome - Có tối thiểu 6 cỡ trái và 6 cỡ phải - Cuồng dài $\geq 30\text{mm}$ - Dạng di động - Có chuôi nối dài lòng tủy xương chày 3. Miếng đệm - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Có ≥ 6 cỡ - Bề dày có cỡ 10mm 4. Bánh chề - Chất liệu: Polyethylen cao phân tử - Có cỡ dày 8mm - Có 2 dạng: đối xứng và không đối xứng, rãnh bánh chề khoảng 5° 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	64
103	Bộ khớp gối toàn phần di động, lõi cầu nghiêng trước 4° , mâm chày có chuôi nối dài	Bộ khớp gối toàn phần di động 1. Lõi cầu - Chất liệu bằng Cobalt-Chrome - Có ≥ 5 cỡ trái và ≥ 5 cỡ phải - Loại hi sinh dây chằng chéo sau 2. Mâm chày - Chất liệu Cobalt-Chrome - Có ≥ 5 cỡ - Dạng di động - Mỗi mâm chày tương thích với mọi cỡ miếng đệm - Có chuôi nối dài lòng tủy xương chày 3. Miếng đệm - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Có ≥ 5 cỡ - Có cỡ dày 10mm 4. Bánh chề - Chất liệu: Polyethylene siêu cao phân tử - Kích thước $\geq 25\text{mm}$, có trong khoảng 2 - 3 cỡ, rãnh bánh chề 5° 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	64



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
104	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 110 - 170mm, phủ HA dày $\geq 80\mu\text{m}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu Titanium-Niobium, phủ Hydroxyapatite (HA) dày $\geq 80\mu\text{m}$ - Chiều dài: trong khoảng 110 - 170mm, tối thiểu có cỡ trong khoảng 110 - 130mm - Góc cổ thân có cỡ trong khoảng 130° - 135° - Có ≥ 10 cỡ, có dạng cổ ngắn, trung bình, dài 2. Chòm trong - Chất liệu Cobalt Chrome - Mỗi đường kính chòm có ≥ 4 cỡ cổ, có cỡ cổ $\geq +10$ 3. Chòm lưỡng cực - Chất liệu: lớp đệm Polyethylene cao phân tử, bên ngoài làm bằng thép không gỉ - Đường kính tối thiểu có cỡ trong khoảng 38 - 40mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	26
105	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối có bờ chống trật, chuỗi Titanium-Niobium	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium-Niobium, phủ HA toàn bộ - Chiều dài $\geq 120\text{mm}$, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 130mm - Có ≥ 10 cỡ với mỗi dạng chuỗi ngắn, trung bình, dài. 2. Chòm - Chất liệu Ceramic - Đường kính $\geq 32\text{mm}$, mỗi đường kính có ≥ 4 cỡ chiều dài cổ - Chòm 32mm từ ổ cối 46mm; 36mm từ ổ cối 50mm. 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium-Vanadium, phủ 2 lớp: Titanium và lớp Hydroxyapatite - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Bờ chống trật trên ổ cối $\geq 5^\circ$ 4. Miếng đệm - Chất liệu Ceramic 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 6.5mm, dài $\geq 15\text{mm}$, có ≥ 3 cỡ vít Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
106	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối gờ vây chống xoay	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ HA toàn bộ chuôi - Có ≥ 7 cỡ - Chiều dài $\geq 120\text{mm}$, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 130mm - Có ≥ 12 cỡ cổ điều chỉnh $\geq 6^\circ$ góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau 2. Chỏm - Chất liệu Ceramic thể hệ 4 - Mỗi đường kính có ≥ 3 cỡ chiều dài cổ 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium phủ plasma Titanium - Thiết kế: 3 vây cá chống xoay. - Cơ chế khóa lớp đệm bằng neo hình nón. 4. Miếng lót ổ cối - Chất liệu Ceramic thể hệ 4 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 7mm, dài ≥ 15, có ≥ 3 cỡ vít Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5
107	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Ceramic miếng lót Polyethylene, cổ chuôi dạng rời chỉnh $\geq 6^\circ$, miếng lót có Vitamin E có bờ chống trật	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn bộ chuôi - Có ≥ 8 cỡ - Chiều dài trong khoảng 110 - 187mm, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 130mm - Góc cổ thân trong khoảng $125^\circ - 135^\circ$ - Cổ chuôi dạng cổ rời, cổ điều chỉnh $\geq 6^\circ$ góc vẹo trong/vẹo ngoài và độ nghiêng trước/sau 2. Chỏm - Chất liệu Ceramic - Đường kính có cỡ $\geq 32\text{mm}$, mỗi đường kính có ≥ 3 cỡ 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium - Có ≥ 8 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Thiết kế: 3 vây cá chống xoay. Cơ chế khóa lớp đệm bằng neo hình nón 4. Miếng lót ổ cối - Chất liệu Polyethylene có chứa Vitamin E - Bờ chống trật $\geq 5^\circ$ 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5 - 7mm - Dài $\geq 15\text{mm}$, có 3 - 4 cỡ vít Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc	Bộ	4



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
108	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Ceramic miếng lót Polyethylene, ổ cối và miếng lót có bờ chống trật, chuỗi Titanium-Niobium	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium-Niobium và phủ lớp HA - Chiều dài trong khoảng 110 - 168mm, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 125mm - Thiết kế: Thân rãnh dọc, rãnh ngang; - Góc cổ thân: trong khoảng 125° - 135° - Có ≥ 10 cỡ cổ ngắn, trung bình 2. Chỏm - Chất liệu Ceramic - Mỗi đường kính chỏm có ≥ 4 cỡ - Chỏm 32mm từ ổ cối 46mm; 36mm từ ổ cối 50mm; 40mm từ ổ cối 56mm 3. Ổ cối - Chất liệu Titanium-Vanadium, phủ Titan dày và lớp HA - Cỡ nhỏ nhất trong khoảng 42 - 44mm - Bờ chống trật trên ổ cối $\geq 5^\circ$ 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử liên kết chéo - Bờ chống trật tối thiểu 10° 5. Vít - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 6 - 7mm, dài trong khoảng 20 - 45mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	25
109	Đĩa đệm cột sống cổ, lõi trước hình thang, cao 4 - 9mm	Đĩa đệm cột sống cổ, lõi trước hình thang dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 4 - 9mm - Rộng trong khoảng 14 - 18mm - Dài trong khoảng 11 - 16mm - Độ nghiêng 4°, khoang ghép xương trong khoảng 0.12 - 0.26ml - Có điểm đánh dấu cản quang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
110	Điện cực của máy dò thần kinh, lưỡng cực, dạng đồng tâm	Điện cực của máy dò thần kinh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Đầu dò dạng đồng tâm lưỡng cực - Chiều dài thân điện cực $100 \pm 0.05\text{mm}$ - Đường kính điện cực khoảng $1.0 \pm 0.05\text{mm}$ - Chiều dài dây cáp trong khoảng 2 - 3m - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	25
111	Nẹp vớ sọ, tối thiểu 16 lỗ	Nẹp vớ sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não - Chất liệu Titanium - Có tối thiểu 16 lỗ, dài $\geq 10\text{cm}$, khoảng cách lỗ 6mm - Tương thích với "Vít vớ sọ tự khoan, tự tạo ren, đường kính $\leq 2.0\text{mm}$, dài 5 - 6mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	129



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
112	Vít chỉ neo khâu gân khớp vai, bằng UHMWPE, đường kính 1.8 - 3.0mm	Vít chỉ neo khâu gân khớp vai dùng trong kỹ thuật khâu sụn viền - Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử - Đường kính khoảng 1.8 - 3.0mm, dài ≥ 10 mm - Chỉ siêu bền: Lực tải chỉ tối đa ≥ 300 N, chỉ dài ≥ 80 cm, có 2 màu để phân biệt Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	85
113	Vít chỉ neo sinh học cỡ nhỏ, 2 - 3mm, bằng BioComposite	Vít chỉ neo sinh học cỡ nhỏ, dùng cho khớp cổ chân, tái tạo dây chằng sên mác - Chất liệu: BioComposite, chỉ siêu bền đa sợi bằng Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và Polyethylene cao phân tử - Kích thước: Rộng x dài trong khoảng = (2 - 3mm) x (8 - 10mm) - Khả năng chịu lực tối đa khoảng ≥ 100 N, kèm chỉ siêu bền liên kim Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
114	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 10 túi	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 10 túi - Bảng kiểm gồm 2 lớp: + Lớp phía trước: nylon, trong suốt và in các con số và các đường viền túi + Lớp phía sau: giấy chống thấm - Kích thước: + Bảng đếm gạc: * Chiều ngang 32 ± 01 cm * Chiều cao 78 ± 01 cm + Kích thước túi: * Chiều ngang 15 ± 01 cm * Chiều cao 12 ± 01 cm - Có 10 túi, 05 hàng, mỗi hàng 02 túi, chứa tối thiểu 10 miếng gạc - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	600
115	Bình CO2 dùng cho băng ghim bắn liên tục	Bình CO2 dùng cho băng ghim bắn liên tục - Tương thích với tay cầm mã PL604R, PL606R tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	432
116	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, áp lực 900 - 950 mbar, 400 - 450 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ - Bộ dẫn lưu bao gồm: * Bình chứa: chất liệu polyetylen * Ống dẫn lưu, ống nối, nắp bình: + Chất liệu PVC + Chiều dài: Ống dẫn lưu dài khoảng 800 - 820 mm Ống nối dài khoảng 100 - 125 cm * Trocar: bằng thép không gỉ - Dung tích khoảng 400 - 450 ml - Áp lực khoảng 900 - 950 mbar - Có van chống trào ngược, ngăn tình trạng nhiễm trùng ngược - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	200



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
117	Bộ dây dẫn khí NO các cỡ	Bộ dây dẫn khí NO, các cỡ - Bộ dây bao gồm: * Ống nối giữa dây dẫn khí NO và dây máy thở đường kính từ 10 - 22 mm * Dây nối lấy mẫu phân tích có chiều dài: khoảng 1.5 - 2 m kèm khóa luer lock để cố định với máy NO * Có ống nối giữa dây cấp khí NO và bình làm ẩm của hệ thống máy thở * Có bộ lọc nước - Tương thích với máy cấp khí và theo dõi khí NO (NoxBoxi đang có tại BV) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	bộ	10
118	Bộ mở dạ dày qua da bơm bóng loại thay thế	Bộ mở dạ dày qua da bơm bóng loại thay thế - Ống thay thế, đường kính ≥ 24 Fr - Chiều dài tối thiểu 220 mm - Dung tích bóng tối thiểu 10 ml - Có vạch đánh dấu trên ống, cách bóng tối thiểu 2 mm - Chất liệu silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	12
119	Bóng nong thực quản	Bóng nong thực quản - Đường kính bóng 6 - 20 mm (tối thiểu phải có 18 mm, 19 mm, 20 mm) - Chiều dài bóng ≥ 55 mm - Đường kính ngoài của Catheter ≥ 7 Fr - Áp suất tối đa $145/10 \pm 2$ (psi/atm) - Tích hợp dây dẫn ≤ 0.035 " - Các điểm đánh dấu sáng quang ở đầu bóng và cuối bóng - Chiều dài dụng cụ ≥ 230 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	8
120	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu - Thành phần: Hyaluronic acid tối thiểu 15 mg/ml không liên kết chéo, tối thiểu 0.3% Lidocaine hydrochloride và muối phosphat, hỗn hợp 8 amino acid, 3 chất chống oxy hóa, Vitamin B6, 2 khoáng chất - Kim 30G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	80
121	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông - Thành phần hoạt chất Hyaluronic acid ổn định khoảng 16 - 17 mg/ml; Sodium Chloride, Phosphate buffer, nước cất 1 ml - Kim 33G, bằng thép không gỉ, dài 4 mm - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	80



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
122	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 12 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	144
123	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	432
124	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, dài ≥ 50 mm, kim 29G, dài 38 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 50 mm, có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 38 mm, 29G - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cây	800
125	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, dài ≥ 90 mm, kim 29G, dài 60 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 90 mm, có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 60 mm, 29G - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cây	1.800
126	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 170 mm, kim 18G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 170 mm - 1 kim đầu tù, bằng thép không gỉ, dài 100 mm, 18G - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	sợi	24
127	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 400 mm, kim 19G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 400 mm - 2 kim, bằng thép không gỉ, dài 100 mm, 19G - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	sợi	8
128	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 90 mm, kim 19G, dài 60 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 90 mm - 2 kim, đầu kim vát, bằng thép không gỉ, dài 60 mm, 19G - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	sợi	20
129	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 30 mm, kim 30G, dài 25 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim, bằng thép không gỉ, dài 25 mm, 30G - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	sợi	150

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
130	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 90 mm, kim 23G, dài 60 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 90 mm - 1 kim, đầu kim vát, bằng thép không gỉ, dài 60 mm, 23G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	sợi	20
131	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 7-0, dài ≥ 30 mm, kim 30G, dài 25 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 7-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim, đầu tù, bằng thép không gỉ, dài 25 mm, 30G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	sợi	20
132	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 55 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 55 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	4.068
133	Đầu kim đốt laser phẫu thuật thanh quản	Đầu kim đốt laser phẫu thuật thanh quản, dây thanh, Amydal - Cấu tạo: bên trong là sợi quang học dẫn truyền, có vỏ inox bảo vệ - Đầu kim cắt vát - Chiều dài sợi quang khoảng 2.5 - 3 m - Có thể uốn cong - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	4
134	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản - Chất liệu không mủ cao su - Có kênh phun nước - Đầu thắt trong suốt, có thể nhìn được vật đối diện - Có móc kéo dây - Có ống nối bơm rửa - Đường kính trong đầu thắt ≥ 9 Fr - Tương thích đầu ống soi khoảng 8 - 12 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	bộ	350
135	Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa	Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa - Đường kính kênh làm việc bổ sung ≥ 3 mm, phù hợp cho dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tương thích đường kính ống soi khoảng 8 - 14 mm - Chiều dài làm việc ≥ 120 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	20
136	Dụng cụ cầm máu dạng phun	Dụng cụ cầm máu dạng phun - Chất liệu bột cầm máu - Dụng cụ gồm 2 catheter: * Đường kính ≥ 7 Fr * Chiều dài ≥ 220 cm - Tay cầm gồm: * Bình CO2 * Bình bột cầm máu - Tương thích kênh ống soi ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
137	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Dụng cụ cắt bao quy đầu - Chất liệu ghim và lưỡi dao tròn bằng thép không gỉ - Thiết kế dạng súng ngắn (pistol) - Tay cầm linh hoạt làm bằng nhựa - Đầu chụp không có vòng silicon - Kích thước gồm: 12mm, 15mm, 18mm, 21mm, 26mm, 30mm, 36mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	110
138	Dụng cụ chống mờ hơi nước	Dụng cụ chống mờ hơi nước - Thành phần gồm: Sodium lauryl ether sulfate 5 - 10%, Polyethylene Glycol -7-glyceryl cocoate 1 - 3% - Dung tích tối thiểu 5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	180
139	Dụng cụ gấp mô hoại tử, huyết khối, dị vật đường tiêu hóa	Dụng cụ gấp mô hoại tử, huyết khối, dị vật đường tiêu hóa - Ngàm gấp bằng nhựa trong suốt - Chiều dài ngàm ≥ 11 mm - Góc mở ngàm ≥ 145 độ - Độ mở ngàm ≥ 28 mm - Tương thích với đường kính ống soi khoảng 9 - 11 mm - Đường kính lỗ đầu ngàm ≥ 1 mm - Chiều dài làm việc ≥ 165 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	10
140	Dụng cụ nong đường tiêu hóa trên	Dụng cụ nong đường tiêu hóa trên - Chất liệu nhựa trong suốt - Tổng chiều dài ≤ 35 mm - Đường kính nong thứ 1: ≥ 7 mm - Đường kính nong thứ 2: ≥ 8 mm - Tương thích với đường kính ống soi khoảng 5 - 10 mm - Đầu tip có 3 lỗ: 1 lỗ trung tâm đi dây dẫn, 2 lỗ bên để hút và tưới - Đường kính lỗ trung tâm ≤ 1.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	10
141	Kẹp đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi	Kẹp đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi - Chất liệu bằng Nitinol - Bao gồm bộ tay quay bung kẹp, cáp chụp ống soi và bung bằng sợi chỉ - Đường kính nắp chụp khoảng 11 - 14 mm (tối thiểu phải có 11 mm, 14 mm) - Độ sâu nắp chụp khoảng 03 - 06 mm (tối thiểu phải có 03 mm, 06 mm) - Chiều dài kẹp khoảng 09 - 11 mm (tối thiểu phải có 09 mm, 11 mm) - Tổng chiều dài ≥ 160 cm - Hình dạng răng ≥ 3 hình dạng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
142	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.2 - 4.4 mm	Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng clip khi mở 3.4 - 3.6 mm, chiều cao clip khi mở 4.2 - 4.4 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích kèm kẹp clip mã PL604R tại Bệnh viện	Cái	3.264
143	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 8.20 - 8.25 mm	Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng clip khi mở 7.20 - 7.25 mm, chiều cao clip khi mở 8.20 - 8.25 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích kèm kẹp clip mã PL606R tại Bệnh viện	Cái	1.152
144	Kẹp mạch máu, chiều cao clip khi mở khoảng 4.8 - 5 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.8 - 5 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 6 - 6.2 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích kèm kẹp mã số FB235R hoặc FB236R tại Bệnh viện	Cái	9.840
145	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, 20G, 22G	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không PVC, không DEHP - Kích cỡ 20G, 22G, dài khoảng 15 - 20 mm, chiều dài dây nối khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo kim gấp góc có để cố định nối với dây nối - Có khóa kẹp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	800
146	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18 - 20G, dài 10 - 20 cm	Kim sinh thiết - Kích cỡ khoảng 18 - 20G, dài khoảng 10 - 20 cm, độ dài mẫu ≥ 17 mm - Cấu tạo: Cán kim mã hóa màu để dàng xác định số kim, đầu kim cân tia X-ray - Tương thích với súng sinh thiết Pro-Mag Ultra2.2 của Bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	10
147	Lưới điều trị tiểu không tự chủ bằng polypropylene, độ xốp khoảng 84 - 86%	Lưới điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng polypropylene hay PVDF - Kích thước 1 cm x (35 - 50) cm - Cấu tạo độ xốp khoảng 84 - 86% - Độ dày sợi khoảng 0.14 - 0.16 mm - Kích thước lỗ khoảng (1.30 - 1.32) x (0.43 - 0.46) mm - Kháng lực > 55 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	15



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
148	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene + Titan-dioxide, 10 x 15 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu Polypropylene (PP) + Titan-dioxide - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Có dây màu định hướng chiều của lưới - Trọng lượng khoảng 30 - 50 g/m² - Kích thước lỗ lưới 3.0 x 2.8mm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	miếng	20
149	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi - Chất liệu: ống bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC), không Latex, không DEHP; bóng chèn làm bằng polyurethane - Đường kính 7 Fr - Chiều dài khoảng 70 - 80 cm - Bao gồm: * Một ống dẫn khí dài khoảng 70 - 80 cm, ống 1 nòng, có đầu xa hình chữ Y, trên hình Y có 2 bóng chèn phế quản trái và phải được mã hóa màu khác nhau. * Một co nối chữ Y dùng kết nối với ống nội khí quản chức năng là thông khí, có cổng vào cho ống nội soi hoặc ống hút đàm * Hai nắp đậy - Trên thân ống có vạch đánh dấu độ dài, có cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
150	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ khoảng 1.8 - 2 Fr	Rọ lấy sỏi - Chất liệu Nitinol - Kích thước rọ khoảng 0 - 12 mm - 4 dây - Chiều dài khoảng 130 - 140 cm - Kích cỡ khoảng 1.8 - 2 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	4
151	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Kích thước thân giữa khoảng (6 - 7) x (7 - 9) cm, có 6 nhánh - Trọng lượng khoảng 19 - 20 g/m² - Cấu tạo độ xốp trung bình khoảng 58 - 60% - Kích thước lỗ lưới khoảng (1.1 - 1.2) x (0.6 - 0.9) mm - Lực kéo sợi lưới > 72 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	10



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
152	Bản sao chân răng cây ghép kết nối lực giác, các cỡ	Bản sao chân răng cây ghép kết nối lực giác, các cỡ dùng làm bản sao chân răng cây ghép trong quy trình phục hình mào răng đối với cấy ghép chân răng xương gò má - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lực giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
153	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng được gắn vào thời điểm đặt implant, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0mm - Chiều cao nướu: 1.75, 2.5mm - Cấu tạo: Kết nối trong và ngoài, lực giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
154	Chỉ co nướu cỡ #0, #00	Chỉ co nướu dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, để định hình đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mào răng, cũng như trước khi gắn mào răng, kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhạy cảm ở cổ răng - Chất liệu: 100% cotton, không ngâm tẩm hóa chất - Sợi chỉ dạng mảnh và trung bình, dài $\geq 330\text{cm}$/cuộn - Kích cỡ (độ dày của sợi chỉ): #0, #00 - Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật các sợi chỉ ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ - Thước đo và lưỡi dao cắt tích hợp trên lọ - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	50
155	Chỉ co nướu cỡ #000	Chỉ co nướu dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, để định hình đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mào răng, cũng như trước khi gắn mào răng, kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhạy cảm ở cổ răng - Chất liệu: 100% cotton, không ngâm tẩm hóa chất - Sợi chỉ dạng mảnh và trung bình, dài $\geq 330\text{cm}$/cuộn - Kích cỡ (độ dày của sợi chỉ) #000 - Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ - Thước đo và lưỡi dao cắt tích hợp trên lọ - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cuộn	40
156	Chỉ nha khoa	Chỉ nha khoa làm sạch răng, lấy mảng bám trên răng và kẽ giữa các răng, lấy vật liệu trám dư trong thủ thuật trám răng - Chất liệu: polytetrafluoroethylene (PTFE) hoặc sợi nylon - Cấu tạo: Sợi chỉ dạng mảnh, đơn sợi, trơn, dễ trượt qua các kẽ răng - Chiều dài cuộn tối thiểu 40m - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	50



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
157	Dây thép buộc chỉnh nha (dạng sợi thẳng)	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: đường kính khoảng 0.012 - 0.045 inch (tối thiểu 13 cỡ tròn, tối thiểu 7 cỡ chữ nhật) - Hình dạng: sợi thẳng, tiết diện tròn, chữ nhật, vuông. Dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài	Sợi	60
158	Dụng cụ điều trị tủy lại dùng để lấy côn	Dụng cụ điều trị tủy lại dùng để lấy côn, tạo hình ống tủy trong các trường hợp đã điều trị tủy thất bại - Chất liệu: hợp kim niti và thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ: + Loại 1S: Đường kính: 0.70mm, dài 16mm + Loại 2S: Đường kính: 0.50mm, dài 18mm + Loại 3N: Đường kính: 0.40mm, dài 21mm + Loại 4N: Đường kính: 0.30mm, dài 21mm - Quy cách đóng gói: ≥ 4 cái/hộp Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	37
159	Dụng cụ đưa chất trám bít vào ống tủy	Dụng cụ đưa chất trám bít vào ống tủy dùng để quay thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha, quay cement gắn chốt/cùi giả, cao su lỏng khi lấy dấu. - Chất liệu: thép không gỉ + Đường kính đầu tip: khoảng 0.25 - 0.4mm (có tối thiểu các cỡ 0.25, 0.30, 0.35, 0.4mm) + Chiều dài: khoảng 21 - 29mm (có tối thiểu 3 cỡ: 21, 25, 29mm) - Độ trơn 2% - Hiện thị màu tương ứng từ số nhỏ nhất tới số lớn nhất, phù hợp với kích cỡ đa dạng của ống tủy - Hình dạng: lò xo - Quy cách đóng gói: ≥ 4 cái/hộp - Tương thích "Tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm" tại hồ sơ mời thầu	Hộp	30
160	Dụng cụ hỗ trợ trong chỉnh hình hàm mặt (face mask)	Dụng cụ hỗ trợ trong chỉnh hình hàm mặt - Chất liệu: + Trục chính: bằng thép không gỉ + Hai giá đỡ: bằng nhựa cứng + Xà ngang: bằng thép không gỉ bọc ngoài nhựa cứng - Cấu tạo: 01 bộ hình yên ngựa bao gồm trục chính giữa có độ dài tương ứng chiều dài khung mặt người bệnh; trục chính có vít chịu nhiệt; hai giá đỡ có lỗ thoát hơi cho vùng trán và cầm với miếng dán bám dính chống khuẩn, giá đỡ cầm được thiết kế cong 3D; xà ngang giữ cân đối trên khuôn mặt.	Cái	8
161	Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo các cỡ	Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo, các cỡ dùng sao chép vị trí cây ghép từ trong miệng ra ngoài, cho quy trình phục hình mão răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm. Khay mở với chiều dài: 10mm, 14mm. Khay đóng với chiều dài: 9mm, 13mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
162	Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng máy, mặt cắt hình xoắn ốc, chiều dài khoảng 19 - 31mm	Dụng cụ nong giữa ống tủy dùng để làm sạch, nong dũa, tạo hình và kết thúc tạo hình ống tủy trong điều trị nội nha bằng máy - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: Mặt cắt hình xoắn ốc, trơn, dẻo - Kích cỡ: + Kích thước trục giai đoạn tạo hình: cỡ SX, S1, S2 + Kích thước trục giai đoạn kết thúc: F1: Đường kính 20mm, độ trơn 7% F2: Đường kính 25mm, độ trơn 8% F3: Đường kính 30mm, độ trơn 9% F4: Đường kính 40mm, độ trơn 6% F5: Đường kính 50mm, độ trơn 5% + Chiều dài: khoảng 19 - 31mm (có tối thiểu 4 cỡ: 19, 21, 25, 31mm) - Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/vi - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Vi	60
163	Nắp đậy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ	Nắp đậy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
164	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích cỡ: rộng 11.2mm ± 0.01mm, dài 15.3mm ± 0.01mm, dày 0.6 - 0.65mm (tối thiểu phải có cỡ 0.6mm) - Dạng gấp bậc thang, độ dày bậc thang nhiều kích cỡ 2, 4, 6, 8, 10, 12mm - Cấu tạo: hình chữ X, 4 lỗ - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	25
165	Nút lành thương trụ chân răng nhân tạo, các cỡ	Nút lành thương trụ chân răng nhân tạo, các cỡ sử dụng cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.2, 3.6, 3.8, 5.0, 6.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 3, 5, 7mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
166	Ống dán trực tiếp răng hàm	Ống dán trực tiếp răng hàm dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, được gắn trực tiếp răng hàm, răng cối nhỏ hàm dưới. - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo dạng một, hai hoặc ba ống tạo thành khối, lòng ống vuông hoặc tròn nhiều kích cỡ, có chia theo các phân hàm (trái, phải) - Đường kính ống khoảng 0.018 - 0.022 inch (có tối thiểu 2 cỡ: 0.018 và 0.022 inch) - Kích thước rãnh giữa các ống: có tối thiểu 2 cỡ: 0.018 x 0.027 inch, 0.018 x 0.031 inch - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
167	Răng sứ trên Implant, thời gian bảo hành tối thiểu 07 năm	Răng sứ Cercon HT trên Implant dùng để thay thế cho răng thật trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới. - Chất liệu: * Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconium dioxide với độ dày khoảng 0.5 - 0.6 mm. Các thời sứ có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 1.350Mpa. * Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa). - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Bảo hành tối thiểu 07 năm. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải tương thích với bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	70
168	Sáp chỉnh nha	Sáp chỉnh nha bôi trơn chống tổn thương niêm mạc môi má trong thủ thuật chỉnh nha - Thành phần: sáp ong chuyên dùng trong nha khoa - Kích thước: dạng thỏi dài khoảng 5 - 7cm (tối thiểu có loại 5cm) - Quy cách đóng gói: 5 thanh/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	hộp	14
169	Sáp lá	Sáp lá dùng trong phục hình răng - Thành phần: sáp nền - Kích thước khoảng 17 x 10 x 0.2cm, hình chữ nhật - Trọng lượng: $\geq 200g$	Hộp	20
170	Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng nghiêng 17° và 30°	Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng nghiêng 17° và 30° dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng nghiêng 17° và 30°, phục hình bất vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm - Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bất vít phục hình dạng nghiêng 17° và 30°, kết nối hình nón lực giác - Yêu cầu kỹ thuật: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, có thể xoay vòng tròn, dễ dàng gắn phục hình - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
171	Thân trụ răng cây ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng thẳng	Thân trụ răng cây ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng thẳng dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng thẳng, phục hình hình bất vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm - Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bất vít phục hình dạng thẳng, kết nối hình nón lực giác - Yêu cầu kỹ thuật: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, có thể xoay vòng tròn, dễ dàng gắn phục hình. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
172	Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp: nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1, nhổ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4 - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Cổ màu vàng, ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lực giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Siêu ưu nước, tích hợp xương tức thì, ren cắt thuận lợi cho việc chuyển hướng, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	12
173	Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai, nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.75, 4.3, 5.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm - Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Cổ màu vàng, kết nối trong, hình nón, lực giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Có thể đặt implant nghiêng đến 45°, quy trình mũi khoan đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình tích hợp xương tức thì. - Các bộ phận đi kèm: Có nắp đậy đi kèm - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
174	Trụ chân răng nhân tạo xương gò má các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo xương gò má, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất xương trầm trọng phải cấy ghép vào xương gò má. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.1mm, 5mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 30, 35, 37.5, 40, 42.5, 45, 47.5, 50, 52.5mm - Cấu tạo: Vật liệu cấy ghép chân răng 0° và 45°, kết nối ngoài dạng lục giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	11
175	Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo, các cỡ	Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo, các cỡ dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng thẳng, dán mão răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm - Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng thẳng, kết nối hình nón lục giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60
176	Trụ phục hình thẩm mỹ nghiêng 15° cho chân răng nhân tạo, các cỡ	Trụ phục hình thẩm mỹ 15° cho chân răng nhân tạo các cỡ dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng nghiêng 15°, dán mão răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm - Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng nghiêng 15°, kết nối hình nón lục giác - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	45
177	Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem	Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem nằm trong nhóm xi măng hàn răng được sử dụng để đặt khử trùng tạm thời vào chỗ bít tắc của ống tủy, có thể được sử dụng trong kỹ thuật gián tiếp và trực tiếp, điều trị tủy nhiễm trùng - Thành phần: Canxi hydroxit - Độ pH: 12 - 13 - Dạng hỗn hợp kem mịn, cân quang - Trọng lượng: 1.5g x 2 ống/hộp - Sử dụng kèm vật liệu chữa tủy răng các loại - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	9



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
178	Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chỉnh nha (niềng răng)	Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chỉnh nha (niềng răng) - Thành phần: acrylate - Dạng: gel đông cứng bằng ánh sáng quang trùng hợp - Sử dụng ở nhiệt độ: khoảng 20 - 25°C - Tương thích với đèn quang trùng hợp - Yêu cầu khi sử dụng: dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài sứ. - Quy cách: 2 ống/hộp (ống ≥ 4g); 1 lọ primer ≥ 6ml và 60 tip quét primer/bộ - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Bộ	9
179	Vật liệu hỗ trợ trám bít ống tủy (Côn phụ)	Vật liệu hỗ trợ trám bít ống tủy (Côn phụ) được sử dụng sau cây côn chính để trám bít bổ sung cho ống tủy - Thành phần: Gutta Percha hoặc tương đương - Kích thước, hình dáng và độ thuận khác nhau tương ứng loại A, B, C, D. Đầu chóp tròn - Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm - Côn được kiểm soát bằng laser - Quy cách đóng gói: ≥ 120 cái/hộp - Tương đương với các loại trám tay - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	12
180	Vật liệu làm khô ống tủy (Côn giấy)	Vật liệu làm khô ống tủy (Côn giấy) sử dụng để lau khô ống tủy trước khi trám bít - Cấu tạo: giấy nén - Kích cỡ: số khoảng 15 - 45 (14 cỡ: 8, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 70, 80), kích thước, hình dáng và độ thuận tương ứng ống tủy các loại - Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm - Côn được kiểm soát bằng laser - Quy cách đóng gói: ≥ 200 cái/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	30
181	Vật liệu trám bít ống tủy (Côn chính)	Vật liệu trám bít ống tủy (Côn chính) được sử dụng sau khi tạo hình ống tủy với trám tay - Thành phần: Gutta Percha hoặc tương đương - Kích thước, hình dáng và độ thuận 2% - Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm - Côn được kiểm soát bằng laser - Quy cách đóng gói: ≥ 120 cái/hộp - Tương đương với các loại trám tay - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	13
182	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 4Fr, 5Fr dài 6cm, 8cm, 13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường trẻ em 4Fr cỡ nòng 20Ga, 22Ga và 5Fr cỡ nòng 18Ga, 20Ga - Chất liệu: Catheter polyurethane có cản quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập - Catheter 4Fr dài 6cm và 8cm, cây nong 5Fr x 6cm - Catheter 5Fr dài 8cm và 13cm, cây nong 6Fr x 7cm, - Dây dẫn 0.018" x 45cm, bơm tiêm, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng: 4Fr (15-30ml/ph; 5Fr (15-45ml/ph) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	15
183	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo - Chiều dài: khoảng 58 - 110cm - Có 2 mặt, một mặt mềm tiếp xúc với da để tạo cảm giác mềm mại khi mang. Mặt còn lại hơi thô và không dính vào áo quần khi mang - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
184	Điện cực dán đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực dán đo dẫn truyền thần kinh vận động - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước điện cực: 470 - 475mm² - Diện tích ghi 50 - 55mm², dây dài khoảng 1.2 - 1.5m - Mỗi điện cực với dây dẫn mã màu đỏ, xanh lá cây và màu đen - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cặp	480
185	Điện cực đất dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực đất chống nhiễu dùng trong đo vận động, khảo sát kim EMG - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước: Dây dài khoảng 1.5 - 2.0m - Diện tích tiếp xúc: khoảng 1240 - 1245mm² - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
186	Gạc xốp (foam), 15 x 15cm, dày 5 mm	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 15 x 15cm (±0.5), dày 5-6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm ≥ 0.7 g/cm²/ngày, hấp thụ dịch ≥ 0.5 g/cm²/ngày - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	115
187	Gạc xốp (foam), cỡ 10 x 10cm, dày 5 mm	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5), dày 5 - 6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm ≥ 0.7 g/cm²/ngày, hấp thụ dịch ≥ 0.5 g/cm²/ngày - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	64
188	Gạc xốp (foam), tự dính, 15 x 15cm, dày 5 mm	Gạc xốp (foam), tự dính - Chất liệu: miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. - Kích thước: 15 x 15cm (±0.5), dày 4-5mm - Đặc tính: có độ thấm hút cao, có khả năng tự bám dính vào bề mặt vết thương - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	25
189	Gen định hình bụng sau phẫu thuật cắt da mỡ bụng/hút mỡ bụng	Gen định hình sau phẫu thuật căng da bụng/hút mỡ bụng bằng vải kép: + Lớp vải ngoài: 55-60% polyamide, 40-45% elastane + Lớp vải trong: 75-80% polyamide, 20-25% elastane - Kích cỡ: 4XS, 3XS, 2XS, XS, S, M, L, XL, 2XL, 3XL - Không chứa latex, không gây dị ứng	Cái	60



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
190	Gen định hình sau phẫu thuật ngực	Gen định hình sau phẫu thuật ngực, các cỡ tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định túi, giảm nguy cơ tụ dịch, xê dịch túi, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : 80 - 85% polyamide, 16 - 20% elastane - Không chứa latex, không gây dị ứng - Kích cỡ: XS, S, M, L, XL - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	70
191	Keo làm đầy và chống rò rỉ dùng cho hậu môn nhân tạo	Keo làm đầy, chống rò rỉ cho hậu môn nhân tạo - Thành phần: gelatin, pectin và sodium carboxymethylcellulose - Đặc tính: dạng sệt hơi hạt, ẩm, có chứa cồn - Trọng lượng: 56 - 60g - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Ống	100
192	Khăn phẫu thuật, cỡ 60 x 60cm (±05%)	Khăn phẫu thuật được sử dụng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi - Kích thước: 60 x 60cm (±05%), lỗ hình tròn - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.000
193	Kim điện cơ đồng tâm dùng 26G, dài 40mm, dùng cho máy Cadwell / Medtronic	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ. - Chất liệu: Thép không gỉ, đầu nối điện cực kim được mạ vàng. - Kích cỡ: dài 40 - 42mm, đường kính kim 0.45 - 0.46mm, 26G, diện tích ghi 0.07mm ² - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell/ Medtronic tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.000
194	Ống mở khí quản có cánh điều chỉnh, có bóng	Ống mở khí quản có cánh điều chỉnh - Chất liệu: PVC, phủ silicone, không chứa DEHP, không chứa latex - Kích cỡ: số 5; 6; 7; 8; 9 - Có đường cân quang tia X dọc theo chiều dài ống - Có nối tiêu chuẩn 15 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
195	Ống thông thâm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em	Ống thông dùng được cho chạy thâm phân cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em Chất liệu: Silicon trong suốt có cân quang - Đầu trên ống thông có 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 3-5 cm, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng - Đầu dưới ống thông có dạng xoắn cong. Đường kính trong: 2.5 - 3.5 mm. Chiều dài ống thông: 42 - 52cm Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	4
196	Phin lọc sử dụng đo khí áp mũi, dạng ô-liu	Phin lọc sử dụng đo khí áp mũi (đo sức cản của mũi), dạng ô-liu, gồm 2 màng lọc: - Màng lọc lớn kích thước khoảng 36 - 37 mm - Màng lọc nhỏ kích thước khoảng 9 - 9.5 mm - Tương thích với máy Atmos tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	bộ	1.300



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
197	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, dải hấp phụ từ 05-30kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị trong biến chứng chạy thận chu kì - Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bản chất là Styrendivinyll Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao - Thể tích hấp phụ: 130 ± 2ml - Thể tích khoang máu: 110 ± 5ml - Diện tích hấp phụ: 52.000 ± 5m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 450 ± 5ml/phút - Áp suất chịu đựng: 100 ± 5kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1 ± 5N - Dải hấp phụ: 05-30kDa - Tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53.4%; B2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21.8-31.5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
198	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, dải hấp phụ từ 15-100kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị các bệnh tự miễn như lupus ban đỏ, bệnh vẩy nến..., - Vật liệu vỏ: PC, vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bản chất là Styrendivinyll Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao - Thể tích hấp phụ: 280 ± 2ml - Thể tích khoang máu: 155 ± 5ml - Diện tích hấp phụ: 91.000 ± 5m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 450 ± 5ml/phút - Áp suất chịu đựng: 100 ± 5kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1 ± 5N - Dải hấp phụ: 15-100kDa - Tỷ lệ hấp phụ: IL-6: 21.8-31.5%; TNF-α: 44.2%, IgA: 48.3%, IgG: 53.6% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
199	Thông khí bằng nhựa, các cỡ	Thông khí bằng nhựa, công miệng - Chất liệu: nhựa PP, không chứa PVC, không chứa Latex - Kích cỡ: 00, 0, 1, 2, 3, 4 (tương ứng tiêu chuẩn sản xuất ISO 5.0, 5.5, 6.5, 8.0, 9.0, 10.0) - Đúc liền 1 khối, tron lág, phần cuối ống mềm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	4.800
200	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 9cm đến 13.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có lớp sắc tố để nhận biết lớp rào cản cấy ghép - Có chip bên trong túi - Kích thước: - Đường kính: 9 đến 13.5cm - Thể tích: từ 155cc đến 550cc (tối thiểu 15 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
201	Vớ đùi áp lực, các cỡ	Vớ đùi áp lực dùng trong phòng ngừa và điều trị giãn tĩnh mạch chi dưới - Chất liệu: 70 - 90% Nylon Polyamide, 10 - 30% Lycra Elastane - Có 5 áp lực phân đoạn chuẩn tại từng vùng trên chân: 18mmHg - 14 mmHg - 8 mmHg - 10mmHg - 8 mmHg - Đặc tính: hờ ngón ở phía đầu trên ngón chân, tăng vận tốc lưu thông máu lên đến 135 -140% - Có đai vớ hai mặt và băng đệm chống xoay, không cản trở lưu thông máu ở vùng tĩnh mạch đùi - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Đôi	1.000
202	Bộ dây bơm cho tay dao 23 kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 23 kHz - Chất liệu bằng silicon - Tốc độ bơm khoảng 1 - 10 ml/phút (cc/phút) - Tốc độ tưới nhanh khoảng 25 - 30 ml/phút (cc/phút) - Chịu được áp lực ≥ 650 mmHg - Tương thích tay dao CUSA 23 kHz hiện có tại bệnh viện - Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	260
203	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rộng lên đến 50% thể tích toàn phần - Miếng ghép có nhiều cuộn, các cỡ 76 x 61 x 19 mm; 90 x 73 x 19 mm; 101 x 85 x 19 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
204	Chỉ thép điện cực, số 2-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 17 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 60 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 2-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, dài 17 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài khoảng 60 mm, thân kim có khắc bề để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	324
205	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ nội soi đường kính khoảng 1.9 - 2 mm, dài khoảng 30 - 31 cm	Đầu dao 23 kHz dùng trong mổ nội soi - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính khoảng 1.9 - 2 mm - Chiều dài khoảng 30 - 31 cm - Biên độ dao động khoảng 178 - 229 μm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng khoảng 32 - 33 g - Có cáp thông tắc đầu mũi dao - Kèm 6 đầu phun dịch - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy CUSA Excel tại bệnh viện	Cái	50
206	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rộng lên đến 50% thể tích toàn phần, miếng ghép có cuộn - Kích cỡ 45 x 44 x 7.0 mm x 3.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)v	Cái	3



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
207	Miếng vá tạo hình	Miếng vá tạo hình - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 38 x 50 mm, dày 1.0 mm/1.7 mm ; 38 x 63 mm, dày 3.0 mm/6.0 mm; 50 x 50 mm, dày 2.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
208	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 35 x 53 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
209	Miếng vá tạo hình vành tai	Miếng vá tạo hình vành tai - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 60 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
210	Miếng vá tạo hình sọ mặt	Miếng vá tạo hình sọ mặt - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 76 mm dày 0.85 mm hoặc 1.5 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
211	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm, 2 kim thẳng, dài 16 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, khâu treo thủy tinh thể vào cùng mạc - Chỉ bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm - 2 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 16 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	12
212	Lưới điều trị sa sinh dục	Lưới điều trị sa sinh dục qua ngã âm đạo - Chất liệu: polypropylene - Trọng lượng nhẹ ≤ 21 g/m ² - Độ xốp $\geq 93\%$, mắt lưới với cấu trúc lục giác - Kích thước khe hở các sợi đan khoảng 100 - 150 μ m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	10

